

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thanh Hà.
2. Bà Phạm Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Từ Nguyễn Duy T**, sinh năm 1983. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số X, khu vực Y, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Hoàng A**, sinh năm 1985. *(Có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Số X, khu vực Y, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2018, nguyên đơn chị Từ Nguyễn Duy T trình bày:

Năm 2011, sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh Huỳnh Hoàng A đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi với nhau, hôn nhân không hạnh

phúc. Đến khoảng 6/2016 thì mâu thuẫn đã đến mức nghiêm trọng, anh A không quan tâm gia đình, thường xuyên uống rượu về ngược đãi chị. Chị cũng đã cố gắng nhẫn nhịn để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Chị và anh A đã ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Nhật Q (nam, sinh ngày 01/4/2012) hiện đang sống chung gia đình. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q đến trưởng thành, yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 11/9/2018, bị đơn anh Huỳnh Hoàng A trình bày:

Do mâu thuẫn xảy ra, anh và chị Từ Nguyễn Duy T không thể chung sống với nhau nên chị T làm đơn ly hôn với anh. Do đó, anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Nhật Q (nam, sinh ngày 01/4/2012) hiện chị T đang nuôi dưỡng. Anh đồng ý ổn định cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q đến trưởng thành, anh cấp dưỡng nuôi con số tiền mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Huỳnh Hoàng A để tham gia tố tụng tại Tòa án. Do anh A có đơn xin vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, do đó, Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Từ Nguyễn Duy T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Hoàng A. Đồng thời, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con số tiền mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có.

- Bị đơn anh Huỳnh Hoàng A có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Từ Nguyễn Duy T và anh Huỳnh Hoàng A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị T khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, anh A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh A chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2011. Tại phiên tòa, chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và về kinh tế. Chị và anh A chỉ hạnh phúc được vài tháng kể từ khi cưới, sau đó mâu thuẫn phát sinh và kéo dài cho đến nay không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về phía anh A, mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong Bản tự khai ngày 11/9/2018, anh A cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh và chị T không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị T. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Nhật Q (nam, sinh ngày 01/4/2012).

Hiện nay cháu Q đang sống chung với chị T và anh A, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q đến trưởng thành, yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con số tiền mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, anh A đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận này không trái quy định pháp luật cũng như có đảm bảo quyền lợi chính đáng của trẻ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Mặc dù anh A không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho anh A quyền được thăm nom con chung, không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh A đã tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh A cùng thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh A phải chịu án phí về việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Từ Nguyễn Duy T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Từ Nguyễn Duy T được ly hôn với anh Huỳnh Hoàng A.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Nhật Q (nam, sinh ngày 01/4/2012) cho chị Từ Nguyễn Duy T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh Huỳnh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu Q trưởng thành.

Anh A được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này

- Về tài sản chung: Chị T và anh A tự thỏa thuận, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về nợ chung: Chị T và anh A cùng thừa nhận không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Huỳnh Hoàng A phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Chị Từ Nguyễn Duy T phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 005567 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí (công nhận chị T đã nộp án phí xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND xã Mỹ Long Bắc, H.Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Bùi Trần Thanh Thế